

Bản án số: 82/2024/DS-PT

Ngày: 05-9-2024

“V/v Tranh chấp về xác nhận di sản
thừa kế và kiện đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đăng Huy, bà Phạm Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham dự phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp về xác nhận di sản thừa kế và kiện đòi tài sản”; do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 57/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 69A/2024/QĐ-PT ngày 02/7/2024 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997 và anh Nguyễn Việt A, sinh năm 1995; địa chỉ: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Lê Anh S, sinh năm 2002; địa chỉ: Số G, Ngõ B, đường N, phường T, quận C, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Chu Văn H1 - Công ty L; địa chỉ: Số G, Ngõ B, đường N, phường T, quận C, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1955; địa chỉ: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị K1, sinh năm 1958; bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1952; bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1968; đều

trú tại: KDC T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1967; địa chỉ: KDC K, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Bà Nguyễn Thị T1, chị Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị H3, anh Nguyễn Hữu T2, sinh năm 1984; địa chỉ: KDC H, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hữu K.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Hữu K

Bản án sơ thẩm không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Anh Việt A và chị H là con của ông Nguyễn Hữu H4 và bà Nguyễn Thị Đ. Ông H4 và bà Đ kết hôn năm 1994 đến năm 2003 ly hôn theo quyết định của Tòa án. Anh Việt A và chị H sống cùng bà Đ từ đó cho đến nay. Năm 2017, ông H4 chết không để lại di chúc. Ngoài hai anh chị, ông H4 không có con riêng và không có nghĩa vụ với cơ quan, tổ chức, cá nhân nào. Di sản ông H4 để lại gồm: Quyền sử dụng thửa đất số 352 tờ bản đồ số 2 tại khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Trên đất có 01 nhà cấp 4 xây năm 1997. Từ khi ông H4 chết, ông K là anh trai ông H4 đã giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quản lý thửa đất này không trả lại cho anh Việt A và chị H. Vì vậy, anh chị yêu cầu Tòa án xác nhận anh chị có quyền thừa kế di sản nêu trên của ông H4, buộc ông K phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trả lại quyền sử dụng thửa đất và tài sản trên đất nêu trên. Hiện trạng đất không đúng như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H4, anh Việt A và chị H chỉ yêu cầu Tòa án xác nhận và buộc ông K trả lại anh chị diện tích theo đúng hiện trạng đất mà ông K đang quản lý của anh chị.

2. Bị đơn ông Nguyễn Hữu K trình bày: Ông là anh trai của ông Nguyễn Hữu H4. Ông H4 là bố đẻ của anh Việt A và chị H. Từ khi ông H4 và bà Đ ly hôn, chị H và anh Việt A về sinh sống cùng bà Đ và không quan tâm gì đến ông H4. Năm 2001, ông H4 được bố mẹ đẻ ông cho thửa đất số 352 tờ bản đồ số 2 tại khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương và ông H4 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003. Thời gian ông H4 còn sống, ông H4 mắc bệnh và phải điều trị nhiều ngày. Ông H4 còn mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đi thế chấp lấy tiền tiêu và anh em ông phải chuộc về. Khi ông H4 chết, hai con của ông H4 cũng không về chịu tang. Sau 3 năm, anh Việt A và chị H mới quay về đòi nhà và đất. Nhưng đất này không phải đất của ông H4 nên anh chị không có quyền đòi lại. Lúc ông H4 chết, ông H4 có nói với anh em trong nhà về việc để lại đất này là nơi thờ cúng ông H4, sau này cháu nào ngoan thì cho người đó. Tuy vậy, ông H4 chỉ nói miệng và anh em trong nhà chứng kiến nhưng không thiết lập văn bản gì. Nay anh Việt A và chị H về đòi lại nhà và đất của ông H4, ông không đồng ý.

3. Người làm chứng bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà và ông H4 đã ly hôn từ năm 2003. Tại thời điểm ly hôn, bà và ông H4 không phân chia tài sản, bà tự

nguyện để lại toàn bộ tài sản cho ông H4 và không yêu cầu ông H4 phải chia trả chênh lệch tài sản cho bà. Năm 2017, ông H4 bị ốm chết không để lại di chúc. Di sản ông H4 để lại là nhà đất tại thửa số 352 tờ bản đồ số 2 tại khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương, bà đề nghị xác định là tài sản của chị H, anh Việt A, không có liên quan gì đến bà. Thời gian bà và ông H4 còn là vợ chồng, bà cũng không tôn tạo, tu bổ, sửa chữa tài sản gì trên đất. Bà đề nghị Tòa án không triệu tập bà tham gia tố tụng trong vụ án này vì bà không còn liên quan gì tới ông H4.

4. Kết quả xác minh với UBND phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương thể hiện: Nguồn gốc thửa đất số 352 tờ bản đồ số 02 diện tích 220m² được UBND huyện C (nay là UBND thành phố C) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Hữu H4 vào ngày 14/11/2002 trước đây là của cụ Nguyễn Hữu K2 và Bùi Thị N. Tại bản đồ đo vẽ năm 1984, thửa đất của cụ K2 cụ N gồm thửa đất số 259 diện tích 316m² loại đất thổ cư và thửa đất số 264 diện tích 119m² loại đất màu. Năm 1984, khi đo vẽ diện tích đất này thì ông H4 chưa kết hôn với bà Đ và vẫn chung sống cùng ông K2, bà N. Năm 2001, trên bản đồ địa chính, thửa đất của cụ K2 cụ N được tách làm 2 thửa: Thửa số 351 diện tích 212m² loại đất thổ cư, tên chủ sử dụng đất là Nguyễn Hữu T3 (tên đúng là Nguyễn Thị T4 - con gái cụ K2 cụ N) và thửa đất số 352 diện tích 220m² loại đất thổ cư mang tên ông Nguyễn Hữu H4. Bản đồ năm 2001 đo vẽ bằng phương pháp thủ công để phục vụ việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông H4 không còn lưu giữ. Năm 2008, thực hiện việc đo vẽ bằng phương pháp số hóa để phục vụ việc quản lý đất đai, thửa đất của ông H4 có số 183, tờ bản đồ số 59 diện tích 169m². Thửa đất của ông H4 có sự chênh lệch diện tích từ 220m² (bản đồ năm 2001) còn 169m² (bản đồ năm 2008) và thay đổi về hình thể thửa đất thì địa phương không nắm được. So sánh bản đồ đo vẽ năm 2001 và bản đồ đo vẽ năm 2008, diện tích thửa đất mang tên Nguyễn Hữu T3 có sự gia tăng về diện tích và hình thể thửa đất. Việc đo vẽ bằng phương pháp thủ công và số hóa cũng sẽ có sự chênh lệch về diện tích nhưng không làm thay đổi hình thể thửa đất. Bản đồ đo vẽ năm 2008 chỉ mang tính chất tham khảo, không phải căn cứ pháp lý khi giải quyết tranh chấp. Hiện trạng sử dụng đất không đúng với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp nhưng các bên đã xây dựng tường bao, có ranh giới và sử dụng ổn định, lâu dài, không tranh chấp, nay chỉ thừa nhận diện tích theo hiện trạng đất thì đề nghị Tòa án căn cứ theo yêu cầu của đương sự và theo quy định của pháp luật để giải quyết.

5. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Thửa đất số 352 tờ bản đồ số 02, diện tích thực tế là 155,7m², đơn giá 5.000.000đồng/1m² = 778.500.000đồng. Tài sản trên đất là nhà cấp 4, diện tích 47,5m² xây dựng từ năm 1997 đến năm đã quá 15 năm, hết khấu hao nên không còn giá trị.

6. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2024, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Việt A. Xác nhận quyền sử dụng đất tại thửa 352 tờ bản đồ số 2 tại khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương diện tích theo hiện trạng 155,7m² đất ở

là di sản thừa kế của ông Nguyễn Hữu H4. Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Việt A được hưởng phần di sản thừa kế theo pháp luật. Buộc ông Nguyễn Hữu K phải trả lại quyền sử dụng đất thửa đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Hữu H4 cho chị H, anh Việt A.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 18/3/2024, bị đơn Nguyễn Hữu K kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị S1, bà Nguyễn Thị K1, ông Nguyễn Hữu T (là anh chị em ruột của ông H5), anh Nguyễn Hữu T2, bà Nguyễn Thị T1, chị Nguyễn Thị H3, chị Nguyễn Thị H2 (là vợ, con ông Nguyễn Hữu C - anh ruột ông H4) do ông Nguyễn Hữu K đại diện tự nguyện đề nghị Tòa án đưa họ vào tham gia tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm để tránh kéo dài thời gian giải quyết vụ án và trình bày: Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm xác định tài sản tranh chấp là di sản của ông H4 thì đề nghị Tòa án xem xét đến công sức của anh chị em ruột ông H4 trong việc bảo vệ, quản lý di sản vì năm 2004 ông H4 mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi cầm cố vay ông M cùng thôn số tiền 50.000.000đồng, anh chị em ruột của ông H4 đã phải góp tiền vào trả cho ông M để giữ lại quyền sử dụng đất cho ông H4. Mặt khác, khi ông H4 bị bệnh, phải đi điều trị tại các bệnh viện, anh em ruột của ông H4 là người trực tiếp chăm sóc, cứu chữa; khi ông H4 chết, anh chị em ông H4 phải cùng lo ma cho ông H4, toàn bộ chi phí mai táng, xây mộ, tổ chức lễ 49 ngày, 100 này theo phong tục địa phương. Cụ thể, yêu cầu xác định công sức quản lý, bảo vệ di sản bằng ½ giá trị quyền sử dụng đất. Phía bị đơn đề nghị được sử dụng toàn bộ quyền sử dụng thửa đất, đồng ý cùng trả chị H và anh Việt A ½ giá trị quyền sử dụng đất trừ đi 100.000.000đồng (50.000.000đồng chuộc sổ đỏ và 50.000.000đồng lo mai táng cho ông H4), còn lại trả chị H và anh Việt A 280.000.000đồng.

Tại phiên tòa,

Đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý trả tiền công sức quản lý di sản cho phía bị đơn và chi phí mai táng theo yêu cầu của phía bị đơn. Trước khi nguyên đơn khởi kiện, nguyên đơn có đề nghị phía bị đơn kê các khoản chi phí mai táng ông H4 để nguyên đơn trả tiền nhưng phía bị đơn không thực hiện và không yêu cầu. Đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của phía bị đơn, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Bị đơn Nguyễn Hữu K giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Tại cấp sơ thẩm, anh chị em ruột của ông K đã nêu ra vấn đề anh chị em ông K có công sức trong việc giữ gìn, bảo vệ tài sản của ông H4 và chi phí mai táng cho ông H4, nhưng vì xác định đất là của bố mẹ ông H4 nên không yêu cầu phía nguyên đơn trả công sức. Do Tòa án cấp sơ thẩm xác định đất là của ông H4 và quyết định giao cho phía nguyên đơn thì anh chị em ông K yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm buộc phía nguyên đơn phải trả tiền công sức quản lý, bảo vệ giá trị di sản, tiền công chăm

sóc ông H4 và tiền chi phí mai táng ông H4 như đã trình bày với Tòa án. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Trường hợp Tòa án xác định quyền sử dụng đất là tài sản của ông H4 thì đề nghị Tòa án giải quyết quyền lợi của anh chị em ông K một cách hợp lý.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại cấp sơ thẩm, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị S1, bà Nguyễn Thị K1 và ông Nguyễn Hữu K đã nêu vấn đề công sức của anh chị em ông H4 trong việc giữ gìn, bảo vệ quyền sử dụng đất và công sức chăm sóc, chi phí mai táng ông H4. Tuy nhiên do xác định quyền sử dụng đất là của cụ K2 và cụ N nên các ông bà không yêu cầu chị H và anh Việt A trả các khoản tiền nêu trên. Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị S1, bà Nguyễn Thị K1, ông Nguyễn Hữu T (là anh chị em ruột của ông H5), anh Nguyễn Hữu T2, bà Nguyễn Thị T1, chị Nguyễn Thị H3, chị Nguyễn Thị H2 (là vợ, con ông Nguyễn Hữu C - anh ruột ông H4) do ông Nguyễn Hữu K đại diện tự nguyện đề nghị Tòa án đưa họ vào tham gia tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm để tránh kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án chấp nhận đưa những người trên vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

Nguồn gốc thửa đất số 352, tờ bản đồ số 02, diện tích thực tế 155,7m² tại khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương là một phần quyền sử dụng đất của ông cha để lại cho cụ Nguyễn Hữu K2 và cụ bà Bùi Thị N. Sau khi các con lớn của hai cụ là ông K, ông C, bà B, bà S1, bà K1, ông T lần lượt ra ở riêng, còn ông H4 là con út ở lại cùng bố mẹ. Năm 1994 ông H4 kết hôn với bà Đ. Sau thời gian sống chung, ông H4 và bà Đ đã được cụ K2 và cụ N đồng ý cho xây nhà ở riêng, có khuôn viên riêng, có lối đi riêng, có tường bao tách biệt với phần đất còn lại của cụ K2 và cụ N. Năm 2002 ông H4 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất trên. Suốt quá trình ông H4 sử dụng đất từ năm 1997 đến khi chết (năm 2017), cụ K2 và cụ N chưa bao giờ có ý kiến đòi lại quyền sử dụng đất trên. Anh chị em ruột của ông H4 cũng chưa bao giờ có ý kiến tranh chấp quyền sử dụng đất này với ông H4. Như vậy, có căn cứ xác định thực tế từ khi ông H4 và bà Đ xây nhà ở riêng, cụ K2 và cụ N đã cho ông H4 phần quyền sử dụng đất nêu trên. Bà Đ có lời khai xác định tài sản trên chỉ là tài sản của ông H4, bà Đ không có quyền lợi gì liên quan đến nhà đất đang tranh chấp. Do vậy, cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng thửa đất số 352, tờ bản đồ số 02, diện tích thực tế 155,7m² tại khu dân cư T, phường Đ, thành phố C là tài sản của ông H4 là phù

hợp. Ông K và những người có quyền lợi liên quan xác định quyền sử dụng đất vẫn là của cụ K2 và cụ N là không có căn cứ chấp nhận.

Ông K và những người có quyền lợi liên quan trình bày trước khi chết ông H4 có nói với anh chị em là để cho anh chị em quản lý nhà đất làm nơi thờ cúng của ông H4. Tuy nhiên, ông K và anh chị em không xuất trình được chứng cứ chứng minh ý chí của ông H4 như trên. Do vậy, xác định ông H4 chết không để lại di chúc. Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là di sản của ông H4 được phân chia theo quy định của pháp luật. Do ông H4 chỉ có chị H và anh Việt A là thuộc hàng thừa kế thứ nhất nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định anh Việt A và chị H có quyền thừa kế toàn bộ tài sản của ông H4, buộc ông K phải trả lại quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Việt A và chị H là phù hợp quy định tại các Điều 649, 650 và 651 Bộ luật Dân sự.

Xem xét ý kiến của ông K và những người có quyền lợi liên quan về việc trích trả công sức quản lý, bảo vệ tài sản và chi phí mai táng ông H4:

Các đương sự trong vụ án đều thừa nhận, khi còn sống ông H4 lạm dụng rượu bia, sức khỏe yếu. Ông K và những người có quyền lợi liên quan khai thống nhất năm 2004 ông H4 cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay ông M cùng thôn số tiền 50.000.000đồng. Để giữ đất cho ông H4, bà K1 và anh chị em ruột cùng góp tiền trả ông M để chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nội dung lời khai này có xác nhận của ông M nên có căn cứ xác định là đúng. Từ sau khi ông H4 chết, ông K và anh chị em trực tiếp quản lý di sản và thờ cúng ông H4 nên có công sức trong việc bảo vệ, quản lý di sản.

Do ông H4 sức khỏe yếu, phải đi điều trị tại bệnh viện từ tháng 6/2016 đến khi chết. Theo quy định tại Điều 111 Luật Hôn nhân và gia đình, con đã thành niên không sống chung cùng với cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cha mẹ trong trường hợp cha mẹ không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Thực tế anh Việt A và chị H không chăm sóc, không cấp dưỡng cho ông H4 khi ông H4 yếu đau, không có thu nhập; toàn bộ chi phí điều trị, việc chăm sóc ông H4 khi sức khỏe yếu đều do ông K và anh chị em ruột ông H4 thực hiện. Khi ông H4 chết, ông K và anh chị em ruột ông H4 đứng ra lo mai táng, xây mộ và chăm sóc phần mộ. Như vậy, bản thân anh Việt A và chị H đã thành niên chưa thực hiện trách nhiệm của người con đối với cha theo quy định của pháp luật cũng như theo truyền thống đạo đức dân tộc.

Từ những nhận định trên, cần chấp nhận yêu cầu của ông K và những người có quyền lợi liên quan, buộc chị H và anh Việt A phải trả công sức bảo vệ tài sản là di sản, chi phí chăm sóc ông H4 khi ốm đau và chi phí mai táng ông H4 cho ông K và những người có quyền lợi liên quan. Số tiền chi phí mai táng như ông K yêu cầu 50.000.000đồng là phù hợp với thực tế chi phí mai táng ở địa phương (tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn cũng xác định số tiền chi phí mai táng như trên là phù hợp thực tế). Xem xét giá trị 50.000.000đồng bà K1 và anh chị em bỏ ra để trả nợ thay cho ông H4 nhằm giữ đất từ năm 2004 đến nay. Hội đồng xét xử áng trích toàn bộ công sức bảo vệ giá trị, quản lý di sản, chi phí chăm sóc và chi phí mai táng, xây mộ cho ông H4 buộc anh Việt A và chị H phải trả cho anh chị em

ruột của ông H4 bằng 1/3 giá trị quyền sử dụng đất và sửa bản án sơ thẩm theo hướng nêu trên. Khoản tiền trên do ông K đại diện nhận, giữa ông K và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tự giải quyết, phân chia.

3. Về án phí: Ông K được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Do sửa bản án sơ thẩm nên cần sửa án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp.

4. Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Sửa bản án sơ thẩm số 04/2024/DS- ST ngày 11/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương như sau:

Căn cứ Điều 166, Điều 612, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị H và Nguyễn Việt A

Xác nhận quyền sử dụng thửa đất số 352, tờ bản đồ số 02, diện tích hiện trạng 155,7m² tại khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương giá trị 778.500.000đồng và các tài sản là công trình, vật kiến trúc trên đất (không còn giá trị) là di sản của ông Nguyễn Hữu H4. Giao cho chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Việt A được hưởng toàn bộ di sản nêu trên của ông Nguyễn Hữu H4 (có sơ đồ kèm theo bản án). Buộc ông Nguyễn Hữu K phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện C (nay là thành phố C) cấp đối với thửa đất nêu trên cho chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Việt A.

Buộc chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Việt A phải trả ông Nguyễn Hữu K và những người có quyền lợi liên quan trong vụ án do ông Nguyễn Hữu K đại diện nhận giá trị công sức bảo vệ giá trị, quản lý di sản, tiền công sức chăm sóc ông Nguyễn Hữu H4 và tiền chi phí mai táng ông Nguyễn Hữu H4 là 259.500.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Hữu K. Ông Nguyễn Hữu K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Buộc chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Việt A liên đới chịu 12.975.000đồng án phí dân sự sơ thẩm

được đối trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002998 ngày 30/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Chị H và anh Việt A còn phải liên đới chịu 12.675.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- TAND TP. Chí Linh;
- Chi cục THADS TP. Chí Linh;
- Lưu: HS, THS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Hữu Hiệu